

770020

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50 /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:
	Ngày: 20/4/2020

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên viện trợ là Chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức được Chính phủ nước ngoài ủy quyền, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác cung cấp trực tiếp viện trợ khẩn cấp không hoàn lại nhằm cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội;

c) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

3. Đối tượng thụ hưởng viện trợ.

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động cứu trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phòng chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

2. “Viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai” là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Phòng chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

3. “Cơ quan chủ quản” là các cơ quan nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

4. “Chủ khoản viện trợ” là các tổ chức được cơ quan chủ quản giao tiếp nhận, quản lý khoản viện trợ.

5. “Đơn vị sử dụng viện trợ” là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao sử dụng các khoản viện trợ.

6. “Quyết định tiếp nhận viện trợ khẩn cấp để cứu trợ” là văn bản quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tiếp nhận các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, bao gồm những nội dung chính: Tên khoản viện trợ; bên viện trợ; cơ quan chủ quản; chủ khoản viện trợ; mục tiêu của khoản viện trợ; tổng giá trị viện trợ; phương án phân bổ; trách nhiệm thực hiện.

7. “Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai” là văn bản quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương tiếp nhận các khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai bao gồm những nội dung chính: Tên khoản viện trợ; bên viện trợ; bên tiếp nhận viện trợ; mục tiêu của khoản viện trợ; tổng giá trị viện trợ; phương án phân bổ viện trợ.

8. “Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai” là tài liệu trình bày: bối cảnh; sự cần thiết; mục tiêu; nội dung chủ yếu của khoản viện trợ; kết quả, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường; tổng vốn viện

trợ, cơ cấu vốn; phương thức viện trợ; điều kiện của bên viện trợ (nếu có); hình thức tổ chức quản lý thực hiện khoản viện trợ.

9. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước là các khoản viện trợ bằng hàng, bằng tiền do phía Việt Nam quản lý và chi tiêu theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng; có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Không tiếp nhận những hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, các khoản viện trợ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân.

3. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phải thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với Bên viện trợ.

Điều 5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận viện trợ

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thuê kho, bến bãi tiếp nhận và các chi phí liên quan khác theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Nguồn kinh phí và trách nhiệm bố trí kinh phí phải được thể hiện trong quyết định tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước do các đơn vị tiếp nhận viện trợ tự thu xếp.

Chương II

QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ

Điều 6. Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ gồm:

1. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ.
2. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ.
3. Thực hiện tiếp nhận viện trợ.

Điều 7. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ

1. Không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông tin của Bên viện trợ, cơ quan chủ quản giao một đơn vị trực thuộc làm chủ khoản viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên viện trợ để thống nhất các nội dung chính của khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ gồm: hình thức viện trợ, giá trị khoản viện trợ, số lượng và giá trị phân bổ, cách thức và địa điểm tiếp nhận và các nội dung khác liên quan.

Điều 8. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo, các khoản viện trợ chưa xác định cơ quan chủ quản, các khoản viện trợ có nội dung nhập khẩu hàng hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

a) Cơ quan chủ quản gửi văn bản kèm theo hồ sơ trình phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức lấy ý kiến khác và tổng hợp ý kiến, trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ.

3. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này:

a) Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và trình cơ quan chủ quản;

b) Cơ quan chủ quản chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp lấy ý kiến hoặc các hình thức khác;

c) Cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ;

d) Thời gian xem xét, phê duyệt quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cơ quan chủ quản nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bao gồm:

a) Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

c) Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thực hiện tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

1. Sau khi việc tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thông báo cho Bên viện trợ về quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trình cơ quan chủ quản ban hành văn bản thông báo tới các cơ quan liên quan để phối hợp tiếp nhận viện trợ;

c) Thông báo cho các cơ quan, địa phương có liên quan về kế hoạch hoạt động đối với viện trợ khẩn cấp để cứu trợ bằng hình thức cung cấp chuyên gia và động vật hỗ trợ đi cùng;

d) Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bằng hàng hóa: Chủ khoản viện trợ thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và các thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa theo quy định của pháp luật;

đ) Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bằng tiền: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tiếp nhận viện trợ (đối với trường hợp chưa có tài khoản tiếp nhận viện trợ) hoặc thông báo tài khoản với Bên viện trợ (đối với trường hợp đã có tài khoản tiếp nhận viện trợ) để tiếp nhận tiền hỗ trợ. Khoản viện trợ khẩn cấp để cứu trợ bằng ngoại tệ phải chuyển vào tài khoản ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được cấp phép hoặc bán cho tổ chức tín dụng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ Quyết định về việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, chủ khoản viện trợ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành tiếp nhận và thực hiện viện trợ khẩn cấp để cứu trợ.